

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST

Ngày: 28-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Hồng - Cán bộ hưu trí phường CO, thành phố R. (Nguyên giáo viên về hưu).

Bà Võ Thị Diệu Thảo - Cán bộ hưu trí phường CO, thành phố R.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/HSST ngày 29 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thanh B, sinh ngày: 11/7/1990 tại Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã ANĐ, huyện TA, tỉnh Phú Yên. Nghề Nghiệp: phụ hồ. Dân tộc: Kinh. Tôn Giáo: Không. Văn hóa: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Lê Văn N (chết). Mẹ: Thái Thị U, sinh 1952. Vợ: Đào Thị Bích E, sinh 1994. Con: có 02 con lớn sinh năm: 2014, nhỏ sinh năm: 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt từ ngày 10/02/2021. (Có mặt).

*** Bị hại:** Lê Thị Xuân L, sinh ngày: 29/01/2006; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường CT, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

*** Đại diện hợp pháp của bị hại:** Lê Viết G, sinh năm: 1974 và Huỳnh Thị Y, sinh năm: 1978 (là cha mẹ ruột); Nơi cư trú: Tổ dân phố T, CT, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông G vắng mặt, bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại chưa thành niên Lê Thị Xuân L:** Lê Thanh Sơn - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Lê Ngọc T, sinh năm: 2006; Nơi cư trú: Tổ dân phố LP, phường CO, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

2. Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường CT, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

3. Nguyễn Quốc Cường, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường CO, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

(Tất cả người làm chứng vắng mặt)

* *Đại diện hợp pháp của người làm chứng chưa thành niên Lê Ngọc T: Lê Bảo Q, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Tổ dân phố LP, phường CO, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10/02/2021, Lê Thanh B điều khiển xe mô tô 78C1-00391 đi tìm tài sản để cướp giật. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi đến ngã tư giao nhau giữa đường Huỳnh Thúc Kháng và đường Hoàng Văn Thụ thuộc tổ dân phố LT, phường CO, thành phố R; B thấy Lê Ngọc T (sinh năm 2006) điều khiển xe đạp điện chở Lê Thị Xuân L (sinh ngày: 29/01/2006) cầm một chiếc ví da màu đen, bên trong có 609.000 đồng. B điều khiển xe áp sát phía bên trái xe của T, dùng tay giật ví da của L rồi bỏ chạy. Thấy vậy, anh Nguyễn Hoàng N điều khiển xe mô tô đuổi theo B, khi đến khu vực Đài liệt sỹ R thì anh N không chế giữ B lại và báo cho Công an phường CO.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/HĐĐG ngày 03/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: 01 ví da màu đen, không có nhãn hiệu, kích thước (23x12) cm trị giá 95.000 đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius, số máy 5C63452564, số khung RLCS5C630BY452509 biển số 78C1-003.91, Cơ quan điều tra Công an thành phố R đã chuyển đến Cơ quan điều tra Công an thành phố TH, tỉnh Phú Yên điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSCR-HS ngày 29/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đã truy tố bị cáo B về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo B về điều khoản như trên của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B; xử phạt bị cáo từ 04 đến 05 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê Viết G, người làm chứng và đại diện hợp pháp của người làm chứng chưa thành niên; tuy nhiên những người này đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

Ngày 23/4/2021, đại diện hợp pháp của bị hại bà Huỳnh Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà Y là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật; sự vắng mặt của bà Y không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vào khoảng 22 giờ ngày 10/02/2021, tại ngã tư giao nhau giữa đường Huỳnh Thúc Kháng và đường Hoàng Văn Thụ thuộc tổ dân phố LT, phường CO, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; B đã có hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật 01 ví da bên trong có 609.000 đồng của chị Lê Thị Xuân L (sinh ngày 29/01/2006) khi L đang ngồi trên xe đạp điện do Lê Ngọc T điều khiển; tổng giá trị tài sản B chiếm đoạt là 704.000 đồng.

Hành vi của bị cáo B có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (d, “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” và g, “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”). Do đó, cáo trạng số 37/CT-VKSCR-HS ngày 29/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R truy tố bị cáo B về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo B là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác là những khách thể quan trọng được Luật hình bảo vệ, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc và hoang mang lo lắng trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy

được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại chị L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Bị cáo B phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Lê Thanh B.

1. Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh B 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn phạt tù tính từ ngày 10/02/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị Xuân L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Thanh B phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo Lê Thanh B, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại chưa thành niên là ông Lê Thanh Sơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại chị Lê Thị Xuân L, đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Viết G, bà Huỳnh Thị Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND t.p R;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an t.p R;
- Cơ quan thi hành án hình sự t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Công